TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Số : 351 /LĐLĐ
"Về việc báo cáo hoạt động
Công đoàn 6 tháng đầu năm 2019"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố;
  Công đoàn ngành và tương đương;
- CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh;
- Các Ban và 02 đơn vị sự nghiệp LĐLĐ tỉnh.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2019. Để kịp báo cáo Tỉnh ủy, Ban Dân Vận Tỉnh ủy, Tổng Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị các cấp Công đoàn tiến hành xây dựng Báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2019 của cấp mình theo các nội dung chủ yếu sau:

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

- Công tác quán triệt, tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội công đoàn các cấp.

- Công tác tuyên truyền, vận động và phối hợp tham mưu giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm, các điểm nóng phát sinh tại cơ sở.

- Các hoạt động thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên, người lao động.

- Kết quả công tác chăm lo cho đoàn viên, người lao động trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi, các hoạt động hưởng ứng Chương trình "*Tết Sum vầy*" 2019.

- Các hoạt động hưởng ứng "Tháng Công nhân" năm 2019 với chủ đề "Mỗi công đoàn cơ sở, một lợi ích đoàn viên".

- Hoạt động hưởng ứng Tháng hành động Quốc gia về ATVSLĐ-PCCN năm 2019 với chủ đề: *"Tăng cường đánh giá, quản lý các nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc"* (công tác tuyên truyền, hưởng ứng và tổ chức các hoạt động, đặc biệt là hoạt động trong CĐCS các doanh nghiệp).

- Tổ chức các hoạt động, hưởng ứng, phát động và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 90 năm ngày Thành lập Công đoàn Việt Nam.

- Công tác triển khai, đôn đốc, tiến độ chương trình xây mới 40 nhà ở "Mái ấm Công đoàn" chào mừng 90 năm ngày Thành lập Công đoàn Việt Nam.

- Thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định 217, 218 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở.

- Công tác tài chính công đoàn: quyết toán tài chính năm 2018, xây dựng dự toán năm 2019.

- Công tác kiểm tra, giám sát trong các cấp công đoàn.

2. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

Từ thực tiễn phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn tại địa phương, đơn vị mình, các cấp công đoàn đề ra giải pháp sát, đúng với tình hình, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm 2019.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Hạn chế, bất cập trong triển khai Nghị quyết Đại hội Công đoàn các cấp.

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy, vị trí việc làm tại cơ quan LĐLĐ huyện, thành phố.

- Kiến nghị khác.

LĐLĐ tỉnh đề nghị LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn ngành và tương đương xây dựng Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2019. Báo cáo nhanh gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh qua Văn phòng trước ngày **17/5/2019,** tại địa chỉ hộp thư: congdoantinhquangngai@gmail.com kèm biểu mẫu thống kê **theo Quy định 1454/QĐ-TLĐ ngày 28/11/2014 của Tổng Liên đoàn;** số liệu báo cáo thống kê ước tính đến ngày 15/6/2019; Báo cáo chính thức gửi đúng theo thời gian quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Văn phòng.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH

BCH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Vũ Hoài Phương

Sở Tài chính - UBND Tỉnh

XIV	Công ty TNHH MTV đầu tư XD và KDDV Quảng Ngãi			112.959.250	596.797	31.709.719	81.249.531
1	Bồi thường, GPMB Nhà máy Bia	7070021	2006	141.198	141.198	0	141.198
2	BT, GPMB khu công nghiệp Quảng Phú	7070021		1.931.108	43.757	0	1.931.108
				-		0	0
	Bồi thường mặt giao thông Đường Nguyễn Chí Thanh		2015	1.887.351		0	1.887.351
		7070021	2005	43.757	43.757	0	43.757
3	Bồi thường, GPMB Khu công nghiệp Tịnh Phong	7070008		189.023	0	189.023	0
			2015	189.023		189.023	0
4	Khu dân cư và dịch vụ phục vụ KCN Tịnh Phong	7077747	2005	24.172	24.172	0	24.172
5	Đường vào KCN Quảng Phú (giai đoạn II)	7021159	2004	87.243	87.243	87.243	0
6	Khu TDC Gò Noài đường Nguyễn Chí Thanh	7020984	2006	258.739	228.739	30.000	228.739
7	Chỉnh trang mặt tiền KCN Tịnh Phong	7421029		0	0	0	0
			2014	-		0	0
			2015	-		0	0
8	Hệ thống xử lý nước thải - KCN Tịnh Phong (g/đ II)	7289441	2011	71.688	71.688	71.688	0
9	Đường Bàu Giang –Cầu Mới	7019494		40.169.329	0	11.435.046	28.734.283
			2016	9.280.506		0	9.280.506
			2017	28.981.046		10.053.365	18.927.681
			2018	1.907.777		1.381.681	526.096
10	DA đầu tư HT khu nhà ở CN và người có TN thấp	7090059		0	0	0	0
			2012	-		0	0
			2013	-		0	0
11	Đường Chu Văn An	758300		7.476.276	0	75.000	7.401.276
			2016	-		0	0
			2017	2.413.442		75.000	2.338.442
			2018	5.062.834		0	5.062.834
12	KDC phía Nam đường Hai BàTrưng	7562226		36.600.897	0	9.506.124	27.094.773
			2016	11.597.971		9.506.124	2.091.847
			2017	1.765.718		0	1.765.718
			2018	23.237.208		0	23.237.208
12	Kè và KDC Nam Sông vệ	7628096		17.487.072	0	10.315.595	7.171.477
			2017	7.171.477		0	7.171.477
			2018	10.315.595		10.315.595	0
13	KDC phía Bắc đường Huỳnh Thúc Kháng	7620905	2018	8.522.505		0	8.522.505
XV	**Công ty TNHH MTV khai thác CT Thuỷ lợi**			**5.889.642**	**20.000**	**2.429.547**	**3.460.095**
1	Khắc phục lũ lụt 24 hạng mục	7697399	2018	109.871		109.871	0
2	Khắc phục lũ lụt kênh N14	7697400	2018	277.678		277.678	0
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh B3-7	7717318	2018	489.997		489.997	0
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh B3-16	7717319	2018	1.818.984		1.818.984	0
5	KCH và hoàn thiện kênh chính nam	7381523	2012	20.000	20.000	20.000	0
6	Tiêu úng , thoát lũ chống SL Sông Thoa	7139043		2.226.190	0	649.128	1.577.062
			2015	1.466.405		474.598	991.807
			2018	102.398		0	102.398
			2016	190.481		0	190.481
			2017	466.906		174.530	292.376
7	Chống ngập úng KCN Vsip qua kênh B	7595661		2.765.906	0	882.873	1.883.033
			2016	2.028.304		2.028.304	0
			2017	366.007		366.007	0
			2018	371.595		-1.511.438	1.883.033
XVI	Liên đoàn lao động tỉnh			4.781.792	0	4.781.792	0
1	TT VHTT cho CNLD và các KCN	7632905		99.164	0	99.164	0
			2018	99.164		99.164	0
1	NVHLĐ tỉnh Quảng Ngãi	7699376		4.682.628	0	4.682.628	0
			2018	4.682.628		4.682.628	0
XVII	Văn phòng UBND Tỉnh			0	0	0	0
1	Tin học hoá quản lý Nhà nước	2222222	2002	-		0	0
XVIII	Công an tỉnh			11.285.688	0	6.480.576	4.805.112
1	NLV Công an 7 thị trấn			708.352	0	697.747	10.605
			2017	-		0	0

Gửi Sở Tài chính - UBND Tỉnh

XIV	**Công ty TNHH MTV đầu tư XD và KDDV Quảng Ngãi**			**112.959.250**	**596.797**	**31.709.719**	**81.249.531**
1	Bồi thường, GPMB Nhà máy Bia	7070021	2006	141.198	141.198	0	141.198
2	BT, GPMB khu công nghiệp Quảng Phú	7070021		1.931.108	43.757	0	1.931.108
	(Bồi thường nút giao thông Đường Nguyễn Chí Thanh)			-		0	0
			2015	1.887.351		0	1.887.351
		7070021	2005	43.757	43.757	0	43.757
3	Bồi thường, GPMB khu công nghiệp Tịnh Phong	7070008		189.023	0	189.023	0
			2015	189.023		189.023	0
4	Khu dân cư và dịch vụ phục vụ KCN Tịnh Phong	7077747	2005	24.172	24.172	0	24.172
5	Đường vào KCN Quảng Phú (giai đoạn II)	7021159	2004	87.243	87.243	87.243	0
6	Khu TDC Gò Xoài đường Nguyễn Chí Thanh	7020984	2006	258.739	228.739	30.000	228.739
7	Chỉnh trang mặt tiền KCN Tịnh Phong	7421029		0	0	0	0
			2014	-		0	0
			2015	-		0	0
8	Hệ thống xử lý nước thải - KCN Tịnh Phong (g/đ II)	7289441	2011	71.688	71.688	71.688	0
9	Đường Bàu Giang –Cầu Mới	7019494		40.169.329	0	11.435.046	28.734.283
			2016	9.280.506		0	9.280.506
			2017	28.981.046		10.053.365	18.927.681
			2018	1.907.777		1.381.681	526.096
10	DA đầu tư HT khu nhà ở CN và người có TN thấp	7090059		0	0	0	0
			2012	-		0	0
			2013	-		0	0
11	Đường Chu Văn An	758300		7.476.276	0	75.000	7.401.276
			2016	-		0	0
			2017	2.413.442		75.000	2.338.442
			2018	5.062.834		0	5.062.834
12	KDC phía Nam đường Hai BàTrưng	7562226		36.600.897	0	9.506.124	27.094.773
			2016	11.597.971		9.506.124	2.091.847
			2017	1.765.718		0	1.765.718
			2018	23.237.208		0	23.237.208
12	Kè và KDC Nam Sông vệ	7628096		17.487.072	0	10.315.595	7.171.477
			2017	7.171.477		0	7.171.477
			2018	10.315.595		10.315.595	0
13	KDC phía Bắc đường Huỳnh Thúc Kháng	7620905	2018	8.522.505		0	8.522.505
XV	**Công ty TNHH MTV khai thác CT Thuỷ lợi**			**5.889.642**	**20.000**	**2.429.547**	**3.460.095**
1	Khắc phục lũ lụt 24 hạng mục	7697399	2018	109.871		109.871	0
2	Khắc phục lũ lụt kênh N14	7697400	2018	277.678		277.678	0
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh B3-7	7717318	2018	489.997		489.997	0
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh B3-16	7717319	2018	1.818.984		1.818.984	0
5	KCH và hoàn thiện kênh chính nam	7381523	2012	20.000	20.000	20.000	0
6	Tiêu úng , thoát lũ chống SL Sông Thoa	7139043		2.226.190	0	649.128	1.577.062
			2015	1.466.405		474.598	991.807
			2018	102.398		0	102.398
			2016	190.481		0	190.481
			2017	466.906		174.530	292.376
7	Chống ngập úng KCN Vsip qua kênh B	7595661		2.765.906	0	882.873	1.883.033
			2016	2.028.304		2.028.304	0
			2017	366.007		366.007	0
			2018	371.595		-1.511.438	1.883 033
XVI	**Liên đoàn lao động tỉnh**			**4.781.792**	**0**	**4.781.792**	**0**
1	TT VHTT cho CNLD và các KCN	7632905		99.164	0	99.164	0
			2018	99.164		99.164	0
1	NVHLĐ tỉnh Quảng Ngãi	7699376		4.682.628	0	4.682.628	0
			2018	4.682.628		4.682.628	0
XVII	**Văn phòng UBND Tỉnh**			**0**	**0**	**0**	**0**
1	Tin học hoá quản lý Nhà nước	2222222	2002	-		0	0
XVIII	**Công an tỉnh**			**11.285.688**	**0**	**6.480.576**	**4.805.112**
1	NLV Công an 7 thị trấn			708.352	0	697.747	10.605
			2017	-		0	0